

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2021

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1987 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TPT, xã TH, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Có E, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp XM, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị M trình bày:*

Chị M và anh Có E tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ngày 12/12/2019. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị M và anh Có E đã sống ly thân từ ngày 03/11/2020 đến nay. Chị M xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Có E.

Thời gian chung sống, chị M và anh Có E có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 29/5/2020. Khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu H, không yêu cầu anh Có E cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: Không có nên chị M không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị M và anh Có E chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc và hiện tại anh chị đã ly thân nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung do chị M nuôi dạy nên cần giao cho chị M tiếp tục nuôi dạy, chị M không yêu cầu anh Có E cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xét; tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đề nghị xét. Chị M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Có E. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh Có E có địa chỉ tại ấp XM, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Có E nhưng anh Có E vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Có E theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vào ngày 13/4/2021 chị M có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Có E tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/12/2019. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị M yêu cầu ly hôn với anh Có E. Xét thấy, yêu cầu của chị M là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống chị M và anh Có E phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình là phù hợp theo biên bản ghi lời khai của người làm chứng. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh Có E vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Có E được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 29/5/2020 (giới tính nữ). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu H là có căn cứ. Bởi vì, cháu H là nữ, dưới 36 tháng tuổi, hiện chị M nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh Có E biết yêu cầu của chị M là tiếp tục nuôi dạy cháu H nhưng anh Có E không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị M. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu H cho chị M nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định chị và anh Có E tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng không xét là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Có E.
2. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn Có E được ly hôn.
3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 29/5/2020 (giới tính nữ) cho chị Phạm Thị M tiếp tục nuôi dạy. Anh Có E không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Có E không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 13 tháng 01 năm 2021 chị M có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011445 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã BB Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kiều Trang